

CPA HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Thành viên hãng **AicA**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	09 - 10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	11 - 12
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	14 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.

Vốn điều lệ: 58.619.400.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính.

Trụ sở chính: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666 Fax: (024) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017



Số tham chiếu: 17-2-0023/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được trình bày từ trang 06 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017 (vốn chủ sở hữu thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 41.050.012.812 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6c Bản thuyết minh báo cáo tài chính về các khoản phải thu bán các tài sản tài chính. Đây là các khoản đầu tư theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo soát xét được lập thành 05 (năm) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 04 (bốn) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh



Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.111.669.876	40.534.647.867
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>39.674.506.699</i>	<i>40.224.486.495</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	21.483.712.843	18.782.537.377
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>21.483.712.843</i>	<i>12.932.537.377</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>-</i>	<i>5.850.000.000</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	19.616.486.200	19.616.486.200
Các khoản cho vay	114	6b	1.436.035.852	4.923.715.945
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(3.549.363.863)	(4.061.804.163)
Các khoản phải thu	117		546.968.663	854.321.997
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>6c</i>	<i>546.968.663</i>	<i>546.968.663</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	<i>6d</i>	<i>-</i>	<i>307.353.334</i>
Trả trước cho người bán	118	09	36.000.000	36.790.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	112.727.065	49.197.760
Các khoản phải thu khác	122	11	123.376.415	174.677.855
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	12	(131.436.476)	(151.436.476)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>437.163.177</i>	<i>310.161.372</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	13	406.294.742	202.950.807
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	14	10.000.000	86.342.130
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		20.868.435	20.868.435
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.596.456.462	3.557.713.110
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>161.554.265</i>	<i>202.149.586</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	71.220.940	89.816.259
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.433.218.835</i>	<i>6.433.218.835</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.361.997.895)</i>	<i>(6.343.402.576)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	16	90.333.325	112.333.327
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.485.162.000</i>	<i>1.485.162.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.394.828.675)</i>	<i>(1.372.828.673)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>3.434.902.197</i>	<i>3.355.563.524</i>
Chi phí trả trước dài hạn	252	13	91.724.622	66.981.288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	17	1.207.793.330	1.225.863.293
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	18	2.135.384.245	2.062.718.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.708.126.338	44.092.360.977

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.658.113.526	2.997.889.519
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>2.658.113.526</i>	<i>2.997.889.519</i>
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		200.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>312</i>	<i>19</i>	<i>200.000.000</i>	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	72.456.852	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	364.275.938	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	22	663.750.000	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	310.307.891	628.557.149
Phải trả người lao động	323		3.069.925	
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	790.277.749	473.889.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	25	228.983.047	351.055.894
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.050.012.812	41.094.471.458
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>41.050.012.812</i>	<i>41.094.471.458</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>26</i>	<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>1.779.850.000</i>	<i>1.779.850.000</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(20.158.130.375)	(20.113.671.729)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(20.158.130.375)</i>	<i>(20.113.671.729)</i>
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		43.708.126.338	44.092.360.977

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	27	5.861.940	5.861.940
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	28	758.460.000	758.460.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	29	5.950.000.000	5.950.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		695.117.920.000	725.764.440.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		481.011.540.000	496.127.650.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		36.656.780.000	36.656.780.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		174.784.800.000	190.391.510.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		2.664.800.000	2.588.500.000
Tiền gửi của khách hàng	026		9.506.149.855	8.615.603.340
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		9.506.149.855	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		9.506.149.855	8.615.603.340
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		9.446.248.487	8.559.698.008
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		59.901.368	55.905.332



Nguyễn Hoài Vân
 Người lập biểu



Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		84.093.916	169.463.472
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3		84.093.916	169.463.472
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		286.821.614	345.983.484
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		3.844.672.305	1.812.502.357
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		90.625.431	60.887.868
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		356.363.636	737.272.727
Thu nhập hoạt động khác	11	32	33.328.512	150.768.898
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		4.695.905.414	3.276.878.806
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(512.440.300)	99.376.663
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.2		(512.440.300)	99.376.663
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		2.206.506.072	1.587.068.281
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		174.035.895	124.366.309
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		330.833.645	490.977.530
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	500.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		2.198.935.312	2.302.288.783
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	33	18.010.262	66.169.290
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		18.010.262	66.169.290
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		113.920.000	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		113.920.000	-
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK				
	62	34	2.427.449.047	2.489.714.236
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		(26.388.683)	(1.448.954.923)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)	90		(26.388.683)	(1.448.954.923)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(26.388.683)	(1.448.954.923)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92			-
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		18.069.963	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35a	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35d	18.069.963	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		(44.458.646)	(1.448.954.923)
THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	36	(8)	(247)


 Nguyễn Hoài Vân
 Người lập biểu


 Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền đã chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(72.665.302)	(45.861.215)
Cổ tức đã nhận	04		297.500.000	-
Tiền lãi đã thu	05		29.798.399	134.140.673
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(103.094.000)	-
Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.093.867.183)	(228.600.441)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(1.712.972.238)	(1.563.033.482)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	09		(1.068.229.154)	(365.286.249)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		10.725.145.726	65.123.187.881
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(4.500.440.782)	(59.891.742.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.501.175.466	3.162.804.594
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay gốc	33		7.480.000.000	-
<i>Tiền vay khác</i>	33.2		7.480.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.280.000.000)	-
<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>	34.3		(7.280.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		200.000.000	-
Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.701.175.466	3.162.804.594
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ				
Tiền	61	4	12.932.537.377	850.407.089
Các khoản tương đương tiền	62		5.850.000.000	17.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4	21.483.712.843	21.716.023.161
Tiền	71		21.483.712.843	3.505.268.040
Các khoản tương đương tiền	72		-	17.350.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho KH	01		1.043.321.172.120	361.418.783.850
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho KH	02		(1.042.356.884.445)	(355.987.878.053)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(73.741.160)	(53.591.759)
Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ	20		890.546.515	5.377.314.038
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		8.615.603.340	8.149.678.230
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		8.615.603.340	8.149.678.230
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		8.615.603.340	8.149.678.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)	40		9.506.149.855	13.526.992.268
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		9.506.149.855	13.526.992.268
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		9.506.149.855	13.526.992.268



Nguyễn Hoài Vân
 Người lập biểu



Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHASố 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phần Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 3666 Fax: (024) 3933 4668Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
I Biến động Vốn chủ sở hữu								
1 Vốn góp của chủ sở hữu	60.399.250.000	60.399.250.000	-	-	-	-	60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
2 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	382.686.493	382.686.493	-	-	-	-	382.686.493	382.686.493
3 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	426.206.694	426.206.694	-	-	-	-	426.206.694	426.206.694
4 Lợi nhuận chưa phân phối	(15.446.889.564)	(20.113.671.729)	-	(1.448.954.923)	-	(44.458.646)	(16.895.844.487)	(20.158.130.375)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	(15.446.889.564)	(20.113.671.729)	-	(1.448.954.923)	-	(44.458.646)	(16.895.844.487)	(20.158.130.375)
Cộng	45.761.253.623	41.094.471.458	-	(1.448.954.923)	-	(44.458.646)	44.312.298.700	41.050.012.812




Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu


Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 07 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành lần đầu năm 2006, sửa đổi bổ sung ngày 11 tháng 09 năm 2010.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 58.619.400.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn tài chính.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư trái phiếu

Công ty hiện không được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Nếu Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán thì Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết nhưng tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

Đầu tư tài chính

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 25 người, trong đó có 14 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 26 người, trong đó có 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phải sinh bao gồm phải sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) (tiếp theo)

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (tiếp theo)

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			5	năm

3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chi tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chi tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

3.12 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.13 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chi tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> VND	<i>Đầu kỳ</i> VND
Tiền	21.483.712.843	12.932.537.377
Tiền mặt tại quỹ	771.907.656	415.652.829
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	20.711.805.187	12.516.884.548
Các khoản tương đương tiền	-	5.850.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.850.000.000
Cộng	21.483.712.843	18.782.537.377

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

<i>Chi tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>
Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	53.905.684	1.477.418.742.700
Cộng	53.905.684	1.477.418.742.700

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

<i>Tài sản FVTPL</i>	<i>30/06/2017</i>		<i>01/01/2017</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i> VND	<i>Giá trị đánh giá lại</i> VND	<i>Giá ghi sổ</i> VND	<i>Giá trị đánh giá lại</i> VND
Chứng khoán thương mại	19.616.486.200	16.475.289.000	19.616.486.200	15.989.894.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000
Cổ phiếu niêm yết	4.047.716.200	906.519.000	4.047.716.200	421.124.700
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
Cộng	19.616.486.200	16.475.289.000	19.616.486.200	15.989.894.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Các khoản cho vay

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2017</i>		<i>01/01/2017</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đánh giá lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.436.035.852	1.436.035.852	4.923.715.945	4.923.715.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex	858.417.599	858.417.599	-	-
Đình Hồng Long	-	-	1.694.130.517	1.694.130.517
Đoàn Việt Hà	-	-	1.772.102.249	1.772.102.249
Trần Tuấn Anh	-	-	1.024.548.107	1.024.548.107
Khách hàng khác	577.618.253	577.618.253	432.935.072	432.935.072
Cộng	1.436.035.852	1.436.035.852	4.923.715.945	4.923.715.945

c. Các khoản phải thu bán các TSTC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hà Huy Hoàng	308.050.000	308.050.000
Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663
Cộng	546.968.663	546.968.663
<i>Trong đó:</i>		
Đã lập dự phòng	408.166.663	435.212.663

Các khoản phải thu bán các TSTC là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

d. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>30/06/2017</i>	<i>01/01/2017</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải thu tiền lãi – Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	9.853.334
Phải thu cổ tức	-	297.500.000
Cộng	-	307.353.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2017					01/01/2017				
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
A	B	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
		1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	FVTPL	19.616.486.200	16.475.289.000	-	3.141.197.200	16.475.289.000	19.616.486.200	15.989.894.700	-	3.626.591.500	15.989.894.700
1	<i>Cổ phiếu</i>	<i>19.616.486.200</i>	<i>16.475.289.000</i>	-	<i>3.141.197.200</i>	<i>16.475.289.000</i>	<i>19.616.486.200</i>	<i>15.989.894.700</i>	-	<i>3.626.591.500</i>	<i>15.989.894.700</i>
	ANV	4.047.374.172	906.288.000	-	3.141.086.172	906.288.000	4.047.374.172	420.912.000	-	3.626.462.172	420.912.000
	VCB	342.028	231.000	-	111.028	231.000	342.028	212.700	-	129.328	212.700
	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000
II	HTM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	1.983.004.515	1.574.837.852	-	408.166.663	1.574.837.852	5.778.037.942	5.342.825.279	-	435.212.663	5.342.825.279
1	<i>Các khoản cho vay</i>	<i>1.436.035.852</i>	<i>1.436.035.852</i>	-	-	<i>1.436.035.852</i>	<i>4.923.715.945</i>	<i>4.923.715.945</i>	-	-	<i>4.923.715.945</i>
	Giao dịch ký quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.436.035.852	1.436.035.852	-	-	1.436.035.852	4.923.715.945	4.923.715.945	-	-	4.923.715.945
2	<i>Các khoản phải thu</i>	<i>546.968.663</i>	<i>138.802.000</i>	-	<i>408.166.663</i>	<i>138.802.000</i>	<i>854.321.997</i>	<i>419.109.334</i>	-	<i>435.212.663</i>	<i>419.109.334</i>
	Phải thu bán các tài sản tài chính	546.968.663	138.802.000	-	408.166.663	138.802.000	546.968.663	111.756.000	-	435.212.663	111.756.000
	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	-	-	-	-	307.353.334	307.353.334	-	-	307.353.334
IV	AFS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cộng	21.599.490.715	18.050.126.852	-	3.549.363.863	18.050.126.852	25.394.524.142	21.332.719.979	-	4.061.804.163	21.332.719.979

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị lập dự phòng kỳ này	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) kỳ này
			Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			
A	B	1	2	3	4	5	6
I	TSTC FVTPL	670.846	19.616.486.200	16.475.289.000	3.141.197.200	3.626.591.500	(485.394.300)
1	ANV	75.840	4.047.374.172	906.288.000	3.141.086.172	3.626.462.172	(485.376.000)
2	VCB	6	342.028	231.000	111.028	129.328	(18.300)
3	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà (*)	595.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	-
II	TSTC HTM	-	-	-	-	-	-
III	TSTC cho vay	-	1.983.004.515	1.574.837.852	408.166.663	435.212.663	(27.046.000)
1	Margin	-	-	-	-	-	-
2	Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.436.035.852	1.436.035.852	-	-	-
3	Phải thu bán các tài sản tài chính	-	546.968.663	138.802.000	408.166.663	435.212.663	(27.046.000)
4	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	-	-	-	-	-
IV	TSTC AFS	-	-	-	-	-	-
Cộng		670.846	21.599.490.715	18.050.126.852	3.549.363.863	4.061.804.163	(512.440.300)

(*) Khoản đầu tư chiếm 37,93% vốn chủ sở hữu thuần tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ Gosmac Việt Nam	36.000.000	-
Đối tượng khác	-	36.790.000
Cộng	36.000.000	36.790.000

10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	102.700.000	35.500.000
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á (*)	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	54.000.000	-
Công ty TNHH In tài chính	13.200.000	-
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước (*)	4.000.000	4.000.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	10.027.065	13.697.760
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	10.027.065	13.697.760
Cộng	112.727.065	49.197.760

(*) Khoản phải thu đã được lập dự phòng, xem thuyết minh số 12.

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam (*)	95.936.476	115.936.476
Phải thu khác	27.439.939	58.741.379
Cộng	123.376.415	174.677.855

(*) Khoản phải thu đã được lập dự phòng, xem thuyết minh số 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

<i>STT</i>	<i>Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi VND</i>	<i>Số trích lập trong năm VND</i>	<i>Số hoàn nhập trong năm VND</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
1	Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	35.500.000	-	-	35.500.000	35.500.000
	Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	-	-	15.000.000	15.000.000
	Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	15.000.000	-	-	16.500.000	16.500.000
	Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	-	-	4.000.000	4.000.000
2	Các khoản phải thu khác	95.936.476	-	20.000.000	95.936.476	115.936.476
	Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	95.936.476	-	20.000.000	95.936.476	115.936.476
			-			
	Cộng	131.436.476	-	20.000.000	131.436.476	151.436.476

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thường niên và quản lý thành viên	210.349.996	9.450.000
Chi phí đường truyền	30.600.000	30.600.000
Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán	153.400.000	153.400.000
Chi phí chờ phân bổ khác	11.944.746	9.500.807
Cộng	406.294.742	202.950.807
Chi phí trả trước dài hạn		
Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	91.724.622	66.981.288
Cộng	91.724.622	66.981.288

14. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng Hồ Chí Minh	-	76.342.130
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	86.342.130

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số cuối kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	4.008.168.971	820.737.000	1.514.496.605	6.343.402.576
Khấu hao trong kỳ	14.946.198	-	3.649.121	18.595.319
Số cuối kỳ	4.023.115.169	820.737.000	1.518.145.726	6.361.997.895
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	72.239.901	-	17.576.358	89.816.259
Số cuối kỳ	57.293.703	-	13.927.237	71.220.940
<i>Trong đó:</i>				
Nguyên giá tài sản hết khấu hao đang sử dụng	3.841.269.760	820.737.000	1.473.941.963	6.135.948.723

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm giao dịch</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	1.485.162.000
Số cuối kỳ	1.485.162.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	1.372.828.673
Khấu hao trong kỳ	22.000.002
Số cuối kỳ	1.394.828.675
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	112.333.327
Số cuối kỳ	90.333.325

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng là 1.265.162.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.207.793.330	1.225.863.293
Cộng	1.207.793.330	1.225.863.293

18. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.267.785.200	1.195.119.898
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	747.599.045	747.599.045
Cộng	2.135.384.245	2.062.718.943

19. VAY NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Bà Trần Bích Lâm	200.000.000	-
Cộng	200.000.000	-

Vay bà Trần Bích Lâm theo hợp đồng số 01/2017/HĐVT ngày 04 tháng 04 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 12% năm, không có tài sản đảm bảo.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	42.184.966	86.241.695
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký	30.271.886	31.181.066
Cộng	72.456.852	117.422.761

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Ngân hàng Tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
Viện Hóa học Công Nghiệp	340.275.938	677.221.774
Cộng	364.275.938	701.221.774

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và xây dựng Thăng Long	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Trí Việt	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	65.000.000	65.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nari Hamico	13.750.000	13.750.000
Công ty TNHH In tài chính	50.000.000	39.000.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông - Công ty Cổ phần	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Công trình	44.000.000	44.000.000
Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	66.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	-	14.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương tín	-	125.000.000
Cộng	663.750.000	700.750.000

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	8.943.932	12.996.809
Thuế thu nhập cá nhân	301.363.959	615.560.340
Cộng	310.307.891	628.557.149

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Lãi trả nhà đầu tư	4.917.811	4.664.480
Chi phí lãi vay	5.400.000	-
Hoa hồng môi giới	9.581.591	322.070.966
Chi phí thuê văn phòng	630.778.620	-
Chi phí hoạt động khác	139.599.727	147.154.371
Cộng	790.277.749	473.889.817

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Cổ tức phải trả	90.975.647	90.975.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.007.400	260.080.247
Cộng	228.983.047	351.055.894

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i> <i>(%)</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH Công nghệ thông tin và Viễn thông Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Các cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
Cộng	100,00	58.619.400.000	58.619.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

27. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	758.460.000	758.460.000
Cộng	758.460.000	758.460.000

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty	5.950.000.000	5.950.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà</i>	<i>5.950.000.000</i>	<i>5.950.000.000</i>
Cộng	5.950.000.000	5.950.000.000

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

30. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phí lưu ký chứng khoán	10.027.065	13.697.760
Cộng	10.027.065	13.697.760

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

31. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phải trả gốc margin	-	-
<i>Phải trả gốc margin của NĐT trong nước</i>	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.436.035.852	4.923.715.945
<i>Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước</i>	<i>1.436.035.852</i>	<i>4.923.715.945</i>
Cộng	1.436.035.852	4.923.715.945

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý sổ cổ đông	12.000.000	30.363.636
Phí tất toán tài khoản	1.026.027	757.524
Phí chuyển nhượng chứng khoán giữa các cá nhân	20.302.485	14.312.500
Lãi được phân bổ Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	105.335.238
Cộng	33.328.512	150.768.898

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi không cố định	18.010.262	66.169.290
Cộng	18.010.262	66.169.290

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	1.371.339.443	1.419.805.811
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	231.122.885	161.880.000
Chi phí văn phòng phẩm	581.818	45.977.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.796.968	23.970.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.721.864	21.500.268
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(20.000.000)	38.780.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	668.494.142	571.945.463
Chi phí khác	153.391.927	202.854.612
Cộng	2.427.449.047	2.489.714.236

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

<i>Chi tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(26.388.683)	(1.448.954.923)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	116.738.500	18.449.348
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	90.349.817	-
Chuyển lỗ năm trước (5)	(90.349.817)	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(20.868.435)	(20.868.435)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(20.868.435)	(20.868.435)

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

c. Chuyển lỗ

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển/hết hạn VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển VND</i>
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-
2011 - 2016	10.072.196.986	10.072.196.986	-
2012 - 2017	6.129.316.466	90.349.817	6.038.966.649
2013 - 2018	3.825.114.243	-	3.825.114.243
2015 - 2020	2.617.558.759	-	2.617.558.759
2016 - 2021	3.083.591.226	-	3.083.591.226
Cộng	26.539.615.473	10.974.384.596	15.565.230.877

Với số lỗ lũy kế được chuyển ở trên, Công ty ước tính có thể tạo ra khoản lợi nhuận là 6.038.966.649 đồng để bù đắp, vậy nên Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại 1.207.793.330 đồng tương ứng với khoản lợi nhuận trong tương lai này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ("tài sản thuế TNHL")

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Số dư đầu kỳ (1)	1.225.863.293	3.059.838.195
Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ (2)	(18.069.963)	(1.833.974.902)
<i>Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước</i>	<i>(18.069.963)</i>	<i>(1.833.974.902)</i>
Số dư cuối kỳ (3) = (1) + (2)	1.207.793.330	1.225.863.293

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(44.458.646)	(1.448.954.923)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(44.458.646)	(1.448.954.923)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	(8)	(247)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Dự phòng VND</i>		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.483.712.843	-	18.782.537.377	-	21.483.712.843	18.782.537.377
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.616.486.200	3.141.197.200	19.616.486.200	3.626.591.500	16.475.289.000	15.989.894.700
Các khoản cho vay	1.436.035.852	-	4.923.715.945	-	1.436.035.852	4.923.715.945
Các khoản phải thu ngắn hạn	546.968.663	408.166.663	854.321.997	435.212.663	138.802.000	419.109.334
Trả trước cho người bán	36.000.000	-	36.790.000	-	36.000.000	36.790.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	112.727.065	35.500.000	49.197.760	35.500.000	77.227.065	13.697.760
Phải thu khác	123.376.415	95.936.476	174.677.855	115.936.476	27.439.939	58.741.379
Cộng	43.355.307.038	3.680.800.339	44.437.727.134	4.213.240.639	39.674.506.699	40.224.486.495
Nợ tài chính						
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	200.000.000	-	-	-	200.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	72.456.852	-	117.422.761	-	72.456.852	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	364.275.938	-	701.221.774	-	364.275.938	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	663.750.000	-	700.750.000	-	663.750.000	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	310.307.891	-	628.557.149	-	310.307.891	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	790.277.749	-	473.889.817	-	790.277.749	473.889.817
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	228.983.047	-	351.055.894	-	228.983.047	351.055.894
Cộng	2.630.051.477	-	2.972.897.395	-	2.630.051.477	2.972.897.395

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

38. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	
Đầu năm				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	117.422.761	-	-	117.422.761
Phải trả người bán ngắn hạn	701.221.774	-	-	701.221.774
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	700.750.000	-	-	700.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	628.557.149	-	-	628.557.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	473.889.817	-	-	473.889.817
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	351.055.894	-	-	351.055.894
Cuối năm				
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	200.000.000	-	-	200.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	72.456.852	-	-	72.456.852
Phải trả người bán ngắn hạn	364.275.938	-	-	364.275.938
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	663.750.000	-	-	663.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	310.307.891	-	-	310.307.891
Chi phí phải trả ngắn hạn	790.277.749	-	-	790.277.749
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	228.983.047	-	-	228.983.047

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.616.486.200	-	3.141.197.200
Các khoản phải thu ngắn hạn	546.968.663	408.166.663	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	112.727.065	35.500.000	-
Các khoản phải thu khác	123.376.415	95.936.476	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

39. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lương HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	624.327.725	619.115.000

40. THÔNG TIN SO SÁNH

a. Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

b. Những thay đổi do trình bày lại

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Công ty đã trình bày lại dữ liệu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 để phù hợp với cách trình bày số liệu báo cáo tài chính kỳ này.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại như sau:

• **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>trình bày lại</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>	<i>Chênh lệch</i> <i>VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền lãi đã thu	[1]	134.140.673	99.695.000	34.445.673
Tiền chi trả cho người lao động	[2]	(1.563.033.482)	-	(1.563.033.482)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	[1]	(59.891.742.573)	(61.454.776.055)	1.563.033.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.162.804.594	3.128.358.921	34.445.673
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia các khoản đầu tư tài chính dài hạn	[1]	-	34.445.673	(34.445.673)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	34.445.673	(34.445.673)

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

40. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do trình bày lại (tiếp theo)

- Phản lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng*

Chỉ tiêu	Diễn giải	Kỳ trước	Kỳ trước	Chênh lệch
		trình bày lại	trước	
		VND	VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	[1]	361.418.783.850	337.639.865.400	23.778.918.450
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	[1]	(355.987.878.053)	(307.014.760.100)	(48.973.117.953)
Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	[1]	-	23.778.918.450	(23.778.918.450)
Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	[1]	-	(48.973.117.953)	48.973.117.953
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		5.377.314.038	5.377.314.038	-

- Chi tiết diễn giải*

[1] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định Thông tư 334/2016/TT-BTC.

[2] Chỉ tiêu "Tiền chi trả cho người lao động" là chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 334/2016/TT-BTC.

41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu



Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017